

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI ĐỂ CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trần Văn Đạt

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Nguyễn Đức Quang

Tổng cục Phòng, Chống Thiên tai – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Tóm tắt: Tiêu chí về phòng chống thiên tai đã được đề xuất, sau đó được ban hành cùng với hướng dẫn thực hiện tiêu chí, đã áp dụng trong xây dựng nông thôn. Qua thực tế triển khai ở các địa phương cho thấy, một số nơi đã thực hiện rất tốt các hoạt động phòng chống thiên tai (PCTT), góp phần đảm bảo an toàn cho người dân và các hệ thống sản xuất và hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn. Tuy nhiên, ở nhiều nơi khác, do chưa tổ chức huy động hoặc sắp xếp được nguồn lực hợp lý nên việc triển khai công tác PCTT chưa đáp ứng được yêu cầu và tình hình thiên tai ở địa phương. Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả tập trung thảo luận cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động nguồn lực xã hội để triển khai các hoạt động PCTT và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) với hy vọng góp phần nâng cao hiệu quả huy động các nguồn lực xã hội để hiện thực hóa tiêu chí (tiêu chí 3.2) trong xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, huy động nguồn xã hội

Summary: Recently the disaster prevention criteria were proposed, then issued together with guidelines for implementing the criteria, have been applied in Vietnam nation's new rural development program. An assessment of local practices showed that, in some places disaster prevention activities have performed very well, contributing to ensure the safety of people, production systems and technical infrastructure in the rural areas. However, in many other sites, due to lack of reasonable resources mobilied, the implementation of disaster management activities have not matched as the requirements come from local natural disaster situations. Because of that, in this article, the author tries to discuss the theoretical and practical basis of mobilizing social resources to implement disaster risk management and climate change adaptation activities as well as hopping a contribution to improve the efficiency of mobilization of social resources for realizing the criteria (criteria 3.2) in current nation's new rural development.

Keywords: Disaster risk management, climate changes, social resources mobilization

1. GIỚI THIỆU

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong các thập kỷ gần đây. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã được Chính phủ phê duyệt và đã thực hiện qua các giai đoạn khác nhau. Đến nay, Chương trình xây dựng nông thôn mới đã có tác động rất tích cực, làm thay đổi diện mạo khu vực nông thôn Việt Nam cũng như hình

thành các phương thức tổ chức cộng đồng, mô thức làm ăn tiên tiến theo hướng hiệu quả và bền vững hơn. Mặc dù vậy, theo yêu cầu phát triển của xã hội, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới cũng đã liên tục được cập nhật tương ứng với các giai đoạn triển khai chương trình (Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới trung ương, 2020).

Tiêu chí về phòng chống thiên tai (tiêu chí 3.2)

Ngày nhận bài: 15/3/2022

Ngày thông qua phản biện: 04/4/2022

Ngày duyệt đăng: 22/6/2022

đã được đề xuất (*Trần Quang Hoài, 2018*). Tiêu chí này đã được ban hành cùng với hướng dẫn thực hiện tiêu chí, đã áp dụng trong xây dựng nông thôn. Qua thực tế triển khai bộ tiêu chí này ở các địa phương cho thấy, một số nơi đã thực hiện rất tốt các hoạt động phòng chống thiên tai (PCTT), góp phần đảm bảo an toàn cho người dân và các hệ thống sản xuất và hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn. Tuy nhiên, ở nhiều nơi khác, việc triển khai công tác PCTT chưa đáp ứng được yêu cầu và tình hình thiên tai ở địa phương.

Thực trạng trên đây làm nảy sinh câu hỏi, rằng có cần thiết và khả thi hay không nếu tổ chức huy động nguồn lực xã hội để thực hiện tiêu chí 3.2 trong xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay? Từ lý do đó, trong khuôn khổ bài báo này, tác giả tập trung thảo luận cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động nguồn lực xã hội để triển khai các hoạt động PCTT và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH).

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Lựa chọn địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại 8 vùng thiên tai. Theo đó, mỗi vùng thiên tai có 1 tỉnh được lựa chọn làm đại diện để nghiên cứu. Ở mỗi tỉnh đại diện, nghiên cứu sẽ được triển khai ở 2 huyện, tương ứng với đó là 4 đến 5 xã/ huyện được khảo sát.

- Khảo sát hiện trường

Các phiếu khảo sát được thiết kế bám sát theo nội dung của tiêu chí 3.2 về yêu cầu thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai. Để tiện cho hoạt động khảo sát ngoài hiện trường và tiện theo dõi, nội dung mỗi phiếu phù hợp với các nhóm tiêu chí thành phần.

Người cung cấp thông tin được yêu cầu làm rõ xem địa phương (xã) có thực hiện từng hoạt động được cụ thể hóa trong tiêu chí 3.2 hay không. Nếu có, sau đó người cung cấp thông tin được đề nghị ước tính hoặc làm rõ tỷ lệ % (khối lượng hoặc lượng nguồn lực) đã sử dụng để thực hiện tiêu chí 3.2 so với yêu cầu thực tế của

địa phương. Ở mỗi địa phương, thông qua phiếu khảo sát, người cung cấp thông tin cũng được yêu cầu để làm rõ tiềm năng và thực tế triển khai huy động các nguồn lực xã hội.

- Phương pháp phân tích số liệu

Nhằm đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí 3.2, các hàm thống kê (trung bình, min, max) được sử dụng để phân tích số liệu.

3. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI ĐỂ CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

3.1. Công tác PCTT và cách tiếp cận

Thiên tai đại diện cho một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với sự phát triển bền vững và an toàn của con người ngày nay. Số người chết do thiên tai mỗi năm trong thập kỷ qua đã là 97.954 trên toàn cầu. Chỉ tính riêng trong năm 2019, thiệt hại về vật chất đã lên đến gần 121.900.000.000\$ (ADREM, 2019).

Công tác quản lý ro do thiên tai đã từ rất lâu là mối quan tâm hàng đầu của quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia thường xuyên bị chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai (Philipin, Việt Nam, Mỹ, Ấn độ, Banglades, v.v). Các nghiên cứu được triển khai ở các quốc gia này chỉ ra cách tiếp cận chung nhất về PCTT, từ những vấn đề cơ bản nhất như khái niệm về thiên tai, ứng phó với thiên tai, cho đến những vấn đề mang tính chất vĩ mô hơn như lập kế hoạch hành động, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ các nhà ra quyết định nhằm chủ động trong công tác ứng phó và giảm nhẹ rủi ro do thiên tai (*Victoria, L., 2002*).

Trải qua thực tiễn, cách tiếp cận trên cho thấy rằng, ở cấp quốc gia công tác PCTT là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Trong khi đó, ở cấp nhỏ hơn (làng, xã, một cộng đồng địa phương) thì hoạt động PCTT cũng mang tính hệ thống và dựa vào sự lãnh đạo của chính quyền, đồng thời đặc biệt chú trọng vai

trò của người dân địa phương (Shaw, R., 2014; Charlotte L. Kirschner, Akheil Singla và Angie Flick, 2018). Theo đó, người dân địa phương có vai trò và trách nhiệm tham gia trong suốt các quá trình xây dựng kế hoạch ứng phó với thiên tai cho khu vực mình đang sinh sống. Các cộng đồng trước hết nhận thức được tầm quan trọng của việc giảm thiểu thiên tai đối với sức khỏe của chính họ. Sau đó, nó trở nên cần thiết để xác định và truyền đạt các kỹ năng thiết yếu có thể chuyển nhận thức về rủi ro thành các hoạt động thực tiễn cụ thể để quản lý rủi ro bền vững (Van Niekerk, D., & Coetzee, C., 2012). Cách tiếp cận như vậy cần các hoạt động tăng cường năng lực cộng đồng để xác định và đối phó với các mối hiểm họa, và rộng hơn là cải thiện sinh kế của người dân.

3.2. Lãnh đạo cộng đồng và chính quyền

Giảm thiểu thảm họa dựa vào cộng đồng phụ thuộc rất lớn vào môi trường chính trị. Hệ thống chính trị có thể tạo điều kiện thuận lợi để hiểu, thúc đẩy và hỗ trợ quá trình tham gia này. Một nghiên cứu của Úc cho thấy mức độ cam kết của chính quyền địa phương trong hành động phụ thuộc vào các nhà quản lý với các lựa chọn đúng đắn về sự tham gia của công dân vào việc lập kế hoạch cho các hoạt động quản lý rủi ro. Các quyết định chính bao gồm: Mục tiêu cần đạt được thông qua liên hệ với người dân; thời gian, danh mục các hoạt động trong quy trình lập kế hoạch mà người dân tham gia; nhóm cộng đồng nào liên quan; các kỹ thuật nào được sử dụng để thúc đẩy tốt nhất sự tham gia của công dân; và thông tin sẽ được cung cấp cho người dân như thế nào.

Theo ISDR (2004)¹, các hoạt động ở cấp địa phương để hạn chế thiệt hại là yếu tố quan trọng nhất để xác định thành công trong PCTT thiên tai. Với ý nghĩa quan trọng của các hoạt động cộng đồng trong việc hạn chế rủi ro thiên tai đặt ra một nghĩa vụ nặng nề đối với chính quyền. Chính quyền chịu trách nhiệm chuẩn bị cho

cộng đồng cho một kịch bản xảy ra hiểm họa. Nghĩa là, tất cả các tất cả các đơn vị tham gia và liên kết của chuỗi quản lý rủi ro phải được tập hợp vào quá trình lập kế hoạch.

3.3. Xã hội hóa công tác phòng chống thiên tai

Về mặt khái niệm, “xã hội hoá” xuất hiện sớm hơn so với “cộng đồng quản trị” hay “quản lý dựa vào cộng đồng”, được đề cập từ những năm đầu thế kỷ XX. Từ đó đến nay, thuật ngữ này được dùng trong nhiều lĩnh vực với nhiều ý nghĩa và được các nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau nhưng khi đề cập đến xã hội hoá, người ta thường nhấn mạnh về xã hội hoá cá nhân và xã hội hoá là quá trình tăng tính xã hội trong các lĩnh vực.

Khái niệm xã hội hoá tại Việt Nam bắt đầu xuất hiện từ ghi quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VII (*Ban Chấp hành Trung ương, 1991*). Đến đại hội lần thứ VIII, khái niệm xã hội hoá chính thức được đưa vào trong văn kiện của Đảng, các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá (*Ban Chấp hành Trung ương, 1996*). Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX, Đảng tiếp tục khẳng định, các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội (*Ban Chấp hành Trung ương, 2001*). Đến Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành trung ương khoá XI, Đảng kết luận “Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật và sự kiểm tra giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân” (*Ban Chấp hành*

¹ International Strategy for Disaster Reduction

Trung ương, 2013). Như vậy có thể hiểu, xã hội hoá là quá trình chuyển giao những nội dung, nhiệm vụ thuộc chính sách xã hội mà Nhà nước không nhất thiết phải làm hay phải thực hiện sang cho người dân và các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện trên cơ sở các quy định, các quy chuẩn theo yêu cầu nhà nước.

Xã hội hoá được sử dụng để chỉ sự tăng cường chú ý quan tâm, sự tham gia rộng rãi của xã hội (các cá nhân, nhóm, tổ chức, cộng đồng...) về cả vật chất và tinh thần vào một số hoạt động mà trước đó chỉ được một đơn vị, một bộ phận hay một ngành chức năng nhất định thực hiện; là một phương châm hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, từ vi mô đến vĩ mô nhằm phát huy nội lực, huy động cộng đồng, hay huy động vốn xã hội từ nhân dân, theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

PCTT là một lĩnh vực đa ngành, có sự tham gia quản lý và thực hiện của nhiều Bộ, ngành, địa phương. Bên cạnh đó, đây cũng là công tác gắn với chu trình dài từ hoạt động chuẩn bị, đến ứng phó và khắc phục hậu quả của thiên tai. Công trình PCTT hiện nay chủ yếu do Nhà nước thực hiện và đầu tư. Do đó, nhận thức và tính chủ động của về thiên tai và triển khai các hoạt động PCTT của người dân chưa cao. Hiện tượng chủ quan vẫn còn xảy ra, các biện pháp phòng ngừa cần thiết chưa được thực hiện triệt để làm gia tăng rủi ro khi thiên tai, đồng thời gây khó khăn cho công tác ứng phó kịp thời, hiệu quả. Để ứng phó với thiên tai hiệu quả, việc chủ động phòng ngừa và ứng phó của người dân và cộng đồng tại khu vực xảy ra thiên tai là vô cùng quan trọng. Vì vậy, công tác PCTT cần thực hiện theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia.

4. THỰC TRẠNG THIÊN TAI VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI

ĐỀ CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

4.1. Tình hình thiên tai ở các vùng nghiên cứu

- Vùng miền núi phía Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ

Khu vực miền núi phía Bắc có đặc điểm tự nhiên phức tạp và có nhiều nhân chính sinh ra các loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, mưa lớn, lũ, ngập lụt, rét hại, sương muối, lốc, sét, mưa đá, động đất, hạn hán, nắng nóng... Trong đó, lũ quét, sạt lở đất, dông lốc là những loại hình thiên tai gây thiệt hại chủ yếu, đối với khu vực miền núi phía Bắc. Rét hại, sương muối cũng thường xuyên xảy ra vào mùa Đông và gây thiệt hại lớn đối với lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.

- Vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

Khu vực vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng với 03 hệ thống sông lớn: sông Hồng – Thái Bình, sông Mã, sông Cả. Khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng các loại hình thiên tai lũ, ngập lụt, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, nước dâng, rét hại, mưa lớn, rét hại, nắng nóng trong đó lũ, ngập lụt, ATNĐ, bão thường xuyên xảy ra và gây thiệt hại cho khu vực ven biển.

- Vùng duyên hải miền Trung

Khu vực duyên hải miền Trung thường xuyên chịu ảnh hưởng của 21/22 loại thiên tai (trừ sóng thần) nhưng với tần suất cao hơn và mức độ ác liệt so với các vùng miền khác. Trong đó, bão, lũ, ngập lụt, hạn hán sạt lở bờ sông, bờ biển là các loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn cho khu vực. Theo thống kê trong 40 năm gần đây, trong tổng số 374 cơn bão hoạt động trên biển Đông, có 148 cơn ảnh hưởng đến đất liền nước ta với 94 cơn đổ bộ vào khu vực miền Trung (chiếm trên 64%) tập trung trong các tháng 9-11.

- Vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ

Là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như: mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, lốc, sét, hạn hán, bão, ATNĐ; trong đó hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất thường xuyên xảy ra và gây thiệt hại lớn cho khu vực.

- Trên biển, hải đảo

Với hơn 3.000 đảo lớn, nhỏ và đường bờ biển dài trên 3.260km đi qua 28 tỉnh, thành phố ven biển, nhiều hoạt động kinh tế, dân sinh, công nghiệp, du lịch, thủy sản, vận tải trên biển, ven biển, đặc biệt là trên 114.000 tàu thuyền hoạt động trên biển nên thường xuyên chịu tác động trực tiếp của các cơn bão, ATNĐ hình thành từ Thái Bình Dương và trên biển Đông (1 trong 5 ổ bão lớn nhất thế giới).

- Đô thị lớn

Khu vực đô thị lớn là nơi thường chịu tác động của các loại hình thiên tai như mưa lớn, ngập lụt, nắng nóng, bão đặc biệt đối với loại hình mưa lớn, ngập lụt. Chỉ tính riêng thành phố Hồ Chí Minh, do 72% diện tích thấp hơn mực nước biển nên hiện tượng ngập úng xảy ra gần như thường xuyên, định kỳ với gần một nửa số phường, xã bị ngập, ảnh hưởng đến 12% dân số thành phố, trong đó khoảng 47% dân nghèo. Các đô thị lớn ven biển khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ thường xuyên hoặc nguy cơ ảnh hưởng bão mạnh như Hải Phòng, Đà Nẵng và các đô thị ven biển; Thủ đô Hà Nội và các đô thị Bắc Bộ nguy cơ ngập lụt khi mưa lớn; các đô thị Nam Bộ thường xuyên bị ngập lụt do triều cường, gió mùa Tây Nam.

Như vậy, có thể thấy rằng, thiên tai là vấn đề nghiêm trọng, xảy ra thường xuyên ở khắp mọi miền đất nước, thiệt hại lớn về sức khỏe và tính mạng người dân; thiệt hại nặng nề về kinh tế, các hệ thống hạ tầng, các hệ sinh thái.

4.2. Hoạt động phòng chống thiên tai, thực hiện tiêu chí 3.2 trong xây dựng nông thôn mới

a) Thực trạng thực hiện tiêu chí về tổ chức bộ máy

- Về tổ chức bộ máy

Công tác tổ chức bộ máy đã được thực hiện khá phổ biến ở các vùng thiên tai Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ; Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ và Đông Nam bộ. Tất cả 9/9 xã được khảo sát ở mỗi vùng đều đánh giá hoạt động này được thực hiện bài bản và Ban chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn (TKCN) hoạt động rất hiệu quả. Theo kết quả đánh giá, các vùng đã triển khai công tác thành lập Ban chỉ huy (BCH) chưa thực sự tốt bao gồm Miền núi phía Bắc và Duyên hải Miền trung. Chỉ 4/9 đến 5/9 xã được khảo sát ở những vùng này cho rằng Ban chỉ huy PCTT và TKCN hoạt động rất hiệu quả. Các xã còn lại chưa thực sự hài lòng về hiệu quả hoạt động của Ban chỉ huy PCTT và TKCN. Việc phân công công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của BCH PCTT và TKCN cũng không được thực hiện tốt ở các vùng thiên tai Miền núi phía Bắc và Duyên hải Miền trung. Trong khi đó, việc xây dựng phương án thực hiện phương châm "4 tại chỗ" mới chỉ được thực hiện ở 1/9 xã ở vùng Ven biển Hải đảo và 3/9 xã ở vùng Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ.

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế kể trên được cho rằng, việc kiện toàn BCH không được thường xuyên để phù hợp với tình cụ thể của địa phương. Trong khi đó, các thành viên của BCH chưa có nhận thức đầy đủ về thiên tai và công tác PCTT.

- Về nguồn nhân lực

Cũng tương tự như đối với tiêu chí về tổ chức bộ máy, tiêu chí về xây dựng đội xung kích PCTT cấp xã, thôn (thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên) đã được thực hiện khá tốt ở các vùng thiên tai Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ; Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ và Đông Nam bộ. Tất cả 9/9 xã được khảo sát ở mỗi vùng đều đánh giá hoạt động này được thực hiện bài bản và đội xung kích PCTT cấp xã, thôn/ấp/bản hoạt động rất hiệu quả. Theo đó, các quy định về vị trí, chức

năng và quyền hạn đội xung kích PCTT từ cấp xã đến cấp thôn/bản đã được thực hiện.

Đối với hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực trình độ cho cán bộ tham gia trực tiếp công tác PCTT, tiêu chí này được thực hiện một cách phổ biến ở vùng thiên tai Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ. Ở vùng Duyên hải Miền Trung, việc tập huấn, nâng cao năng lực trình độ cho cán bộ tham gia trực tiếp công tác PCTT chưa được chú

trọng, chỉ 1/9 xã được khảo sát đã triển khai công tác này và kết quả đạt được trung bình (TB) của cả vùng là 70% so với nhu cầu. Trong khi đó, công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ hàng năm cho đội xung kích mới chỉ được triển khai ở một số vùng thiên tai như Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ (5/9 xã được khảo sát đã thực hiện); Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ (4/9 xã được khảo sát đã thực hiện); Đô thị lớn tập trung (4/9 xã được khảo sát đã thực hiện).

Bảng 1: Kết quả đánh giá thực hiện tiêu chí về tập huấn, nâng cao năng lực trình độ cho cán bộ tham gia trực tiếp công tác PCTT

| TT | Vùng thiên tai | Kết quả đánh giá (%) | | | Phản ánh của các xã được lựa chọn để khảo sát |
|----|--|----------------------|------|------|---|
| | | Min | Max | TB | |
| 1. | Miền núi phía Bắc | 9,0 | 40,0 | 18,5 | Việt Hồng, Thanh Thủy, Vĩ Thượng, Tiên Yên |
| 2. | Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ | 70,0 | 70,0 | 70,0 | Sơn Lộc |
| 3. | Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ | 90,0 | 90,0 | 90,0 | Thuần Thành |
| 4. | Duyên hải miền Trung | - | - | - | |
| 5. | Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ | 10,0 | 90,0 | 37,7 | Uar, Ia Dreh, Krông Năng |
| 6. | Đồng bằng sông Cửu Long | - | - | - | |
| 7. | Đô thị lớn tập trung | - | - | - | |
| 8. | Ven biển và hải đảo | 50,0 | 50,0 | 50,0 | Đức Tín |

Nguồn: khảo sát hiện trường (2021)

Hoạt động phổ biến kiến thức về PCTT cho người dân trong độ tuổi lao động sinh sống trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được thực hiện khá đồng đều ở các địa phương trong các vùng thiên tai. Vùng thực hiện nội dung này tốt nhất là Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ và kết quả trung bình đạt được đối với tiêu chí này là 80.6% so

với nhu cầu (bảng 2); Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ và Đông Nam bộ (tất cả đều có 8/9 xã được khảo sát đã thực hiện). Vùng Duyên hải Miền trung thực hiện hoạt động phổ biến kiến thức về PCTT cho người dân còn hạn chế nhất, với chỉ 3/9 xã được khảo sát đã thực hiện nhưng kết quả trung bình đạt được của tiêu chí là 73,3% so với mong muốn.

Bảng 2: Kết quả đánh giá thực hiện tiêu chí về phổ biến kiến thức về PCTT cho người dân

| TT | Vùng thiên tai | Kết quả đánh giá (%) | | | Phản ánh của các xã được lựa chọn để khảo sát |
|----|--|----------------------|------|------|--|
| | | Min | Max | TB | |
| 1. | Miền núi phía Bắc | 50,0 | 98,0 | 82,8 | Thanh Thủy, Vĩ Thượng, Việt Hùng, Tiên Yên |
| 2. | Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ | 70,0 | 90,0 | 80,7 | Đan Trường, Bùi La Ngân, Thượng Lộc, Sơn Lộc |
| 3. | Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ | 80,0 | 90,0 | 85,0 | Đồng Bạch, Quỳnh Thọ |
| 4. | Duyên hải miền Trung | 70,0 | 75,0 | 73,3 | Ba Cung, Ban Điện, Nghĩa Trung |
| 5. | Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ | 50,0 | 85,0 | 65,4 | Uar, Ia Dreh, Krông Năng, Tơ Tung, Sơ Pai, Nghĩa An, Ia Vê |
| 6. | Đồng bằng sông Cửu Long | 40,0 | 90,0 | 69,0 | Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Phước A, Vân Khánh, Đông Hòa |
| 7. | Đô thị lớn tập trung | 70,0 | 80,0 | 73,3 | Tam Thôn Hiệp, Tân Hiệp, Thới Tam Thôn |
| 8. | Ven biển và hải đảo | 70,0 | 80,0 | 75,0 | Bắc Ruộng, Vũ Hòa, Đức Tín |

Nguồn: khảo sát hiện trường (2021)

b) Thực trạng thực hiện tiêu chí về các hoạt động PCTT cụ thể

- Về kế hoạch PCTT

Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ là vùng thực hiện rất tốt trên cả 3 tiêu chí: Xây dựng, ban hành kế hoạch PCTT; rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch PCTT hằng năm theo

quy định của pháp luật; đánh giá nguy cơ (xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai), với cả 9/9 xã được khảo sát đều đã thực hiện. Tiếp theo đó là vùng Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ và Đông Nam bộ, có từ 8/9 đến 9/9 xã được khảo sát đã thực hiện 3 tiêu chí nói trên. Nhóm các vùng thực hiện khá tốt việc xây dựng, ban hành kế hoạch PCTT; rà soát, cập

nhật, bổ sung kế hoạch PCTT hàng năm theo quy định của pháp luật; đánh giá nguy cơ (xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai) bao gồm Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ; Duyên hải Miền trung; Đồng bằng sông Cửu Long; Đô thị lớn tập trung; ven biển và hải đảo với mỗi vùng có từ 3/9 đến 5/9 xã được khảo sát đã thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng kế hoạch và đánh giá nguy cơ thiên tai. Miền núi phía bắc là vùng thiên tai thực hiện cả 3 tiêu chí về xây dựng, ban hành kế hoạch PCTT; rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch PCTT hàng năm theo quy định của pháp luật; đánh giá nguy cơ chưa tốt với chỉ 2/9 đến 3/9 xã được khảo sát đã thực hiện, tùy theo từng tiêu chí cụ thể.

- Về phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Tiêu chí về xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, xảy ra thường xuyên đã thực hiện khá tốt ở hầu hết các vùng thiên tai với từ 5/9 đến 9/9 xã được khảo sát đã thực hiện. Duy nhất chỉ có vùng Miền núi phía Bắc mới chỉ có 3/9 xã được khảo sát là đã thực hiện công tác về xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, xảy ra thường xuyên. Tuy nhiên, việc xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự và vệ sinh môi trường, thống kê thiệt hại sau thiên tai dường như chưa được chú trọng ở tất cả các vùng thiên tai. Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ là vùng thực hiện tốt nhất tiêu chí này nhưng cũng mới chỉ 4/9 xã được khảo sát đã có phương án bảo đảm an ninh trật tự và vệ sinh môi trường và thống kê thiệt hại sau thiên tai.

- Về thực hiện có hiệu quả kế hoạch PCTT được phê duyệt

Việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch PCTT

được phê duyệt ở các địa phương được đánh giá thông qua 4 tiêu chí: Huy động vật tư phương tiện, nhu yếu phẩm trong hoạt động PCTT; chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT; các tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT; hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT. Kết quả khảo sát ở các vùng thiên tai cho thấy, việc huy động vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm trong hoạt động PCTT hiện đang không được thực hiện tốt. Ngoài vùng Đô thị lớn tập trung (có 5/9 xã được khảo sát đã thực hiện hoạt động này), các vùng thiên tai khác thực hiện việc huy động nguồn lực PCTT rất hạn chế. Đặc biệt, các vùng Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long, ven biển và hải đảo không có xã nào trong số các xã được khảo sát đã thực hiện việc huy động vật tư phương tiện, nhu yếu phẩm trong hoạt động PCTT.

Đối với việc chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT ở cấp xã, hầu hết các vùng thiên tai có từ 5/9 đến 6/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã và đang triển khai với kết quả trung bình đạt được của tiêu chí này dao động từ 38,75% đến 80%. Riêng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ có 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện, còn lại 6/9 xã chưa từng triển khai công tác này trên thực tế nhưng kết quả trung bình thực hiện tiêu chí lại khá cao, khoảng 80%. Như vậy, mức độ phủ rộng thực hiện tiêu chí và kết quả thực hiện tiêu chí thay đổi rất khác nhau giữa các vùng thiên tai trong cả nước.

Bảng 3: Kết quả đánh giá thực hiện tiêu chí chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT ở cấp xã

| TT | Vùng thiên tai | Kết quả đánh giá (%) | | | Phản ánh của các xã được lựa chọn để khảo sát |
|----|--|----------------------|------|------|---|
| | | Min | Max | TB | |
| 1. | Miền núi phía Bắc | 20,0 | 65,0 | 38,8 | Việt Hồng, Thanh Thủy, Vĩ Thượng |
| 2. | Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ | 70,0 | 90,0 | 78,0 | Đan Trường, Thượng Lộ c, Sơn Lộ c |
| 3. | Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ | 96,0 | 96,0 | 96,0 | Quỳnh Thọ |
| 4. | Duyên hải miền Trung | 30,0 | 98,0 | 69,3 | Ba Điền, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương |
| 5. | Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ | 10,0 | 90,0 | 55,8 | Uar, Ia Dreh, Krông Năng, Tư Tung, Sơ Pai, Nghĩa An |
| 6. | Đồng bằng sông Cửu Long | 70,0 | 90,0 | 80,0 | Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Phước A, Vân Khánh |
| 7. | Đô thị lớn tập trung | 70,0 | 70,0 | 70,0 | An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Tân Hiệp |
| 8. | Ven biển và hải đảo | 80,0 | 80,0 | 80,0 | Bắc Ruộng |

Nguồn: khảo sát hiện trường (2021)

Tìm hiểu về thực trạng chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT của các tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai cho thấy, ở Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ thực hiện rất phổ biến (cả 9/9 xã được lựa chọn để khảo sát, các tổ chức đều đã chủ động thực hiện), tương ứng với đó là kết quả trung bình của tiêu chí đạt ở mức 23,33%. Các tổ chức đóng trên những vùng thiên tai còn lại có từ 6/9 đến 8/9 xã có các tổ chức đóng trên địa bàn thực hiện công tác chuẩn bị nguồn lực cho PCTT với kết quả trung bình đạt được của tiêu chí dao động từ 27,5% đến 75%. Riêng vùng ven biển và hải đảo chỉ có 5/9 xã thực hiện tiêu chí này nhưng không đánh giá được kết quả cụ thể. Kết quả khảo sát về mức độ chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT của hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai cũng cho

kết quả tương tự như đối với các tổ chức (như trình bày ở trên). Tuy nhiên, kết quả thực hiện tiêu chí tốt nhất và đáng tin cậy là vùng Đô thị lớn tập trung, tương ứng với 73,33% (đánh giá trên 3/9 xã được lựa chọn); thấp nhất là Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ tương ứng với kết quả trung bình thực hiện tiêu chí là 45,27% (đánh giá trên 8/9 xã được lựa chọn).

c) Thực trạng thực hiện tiêu chí về cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Về quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng

Đánh giá việc triển khai lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch (sử dụng đất; phát triển dân sinh-kinh tế-xã hội-môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều, sơ tán người, bảo vệ sản xuất) cho thấy, Tây Nguyên,

vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ là nơi duy nhất thực hiện đầy đủ tiêu chí này (9/9 xã được lựa chọn để khảo sát); Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ có 8/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện công tác lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch phát triển. Các vùng (Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ; Đô thị lớn tập trung; ven biển và hải đảo) có 6/9 xã được lựa chọn để khảo sát tốt công tác lồng ghép nội dung PCTT. Miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long chỉ có 4/9 xã được lựa chọn để khảo sát ở mỗi vùng hoàn thành tiêu chí này.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) đảm bảo tiêu chuẩn về phòng chống thiên tai được thực hiện phổ biến nhất là ở Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ với 9/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện nhưng kết quả không chắc chắn. Chỉ có 1 xã báo cáo kết quả trung bình đạt được của tiêu chí là 80%. Trong khi đó cũng có những vùng thực hiện tiêu chí này không tốt đó là: Duyên hải miền Trung; ven biển và hải đảo (chỉ có 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát ở mỗi vùng). Riêng Đồng bằng sông Cửu Long, chỉ có duy nhất 1/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện việc áp dụng tiêu chuẩn đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai vào các công trình hạ tầng thiết yếu. Rất ít các xã được lựa chọn để khảo sát đánh giá được kết quả đạt được của tiêu chí này.

Triển khai quy hoạch và xây dựng kênh mương nội đồng, rãnh tiêu thoát nước phục vụ công tác tiêu thoát nước trong mùa mưa bão hiện không được chú trọng ở tất cả các vùng thiên tai. Kết quả khảo sát hiện trường chỉ ra rằng, chỉ 1/9 xã được lựa chọn ở Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ, Đô thị lớn tập trung có quan tâm đến phòng chống úng ngập trên địa bàn thông qua các giải pháp xây dựng kênh mương nội đồng, rãnh tiêu thoát nước. Tất cả các vùng thiên tai còn lại, không có xã nào trong số các

xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện tiêu chí này.

- Về thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai

Tiêu chí về xây dựng hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai (đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ) hiện chưa được thực hiện thật tốt ở tất cả các vùng thiên tai. Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ là vùng thực hiện tốt nhất cũng chỉ có 7/9 xã được lựa chọn để khảo sát phản ánh là người dân có thể thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đầy đủ. Miền núi phía Bắc là vùng tiếp cận và có điều kiện thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai thấp nhất với chỉ 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát phản ánh tích cực về vấn đề này. Cũng tương tự như đối với tiêu chí xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn về PCTT, rất ít các xã được lựa chọn để khảo sát đánh giá được kết quả đạt được của tiêu chí xây dựng hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai.

Đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai cũng cho kết quả tương tự. Theo đó, Miền núi phía Bắc là vùng ít quan tâm đến các hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai nhất, với chỉ 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện tiêu chí này (phù hợp với thực trạng về xây dựng hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai).

Về thực trạng cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai kịp thời cho người dân, kết quả khảo sát cũng cho thấy, Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ là vùng thực hiện tốt nhất với có 7/9 xã được lựa chọn để khảo sát đảm bảo rằng người dân được thông

tin về thiên tai đầy đủ, kịp thời. Tiếp đến là các vùng: Đô thị lớn tập trung; Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ; Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ; Miền núi phía Bắc với lần lượt là 4/9; 3/9; 2/9 và 1/9 xã được lựa chọn để khảo sát. Kết quả trung bình thực hiện tiêu chí này ở các vùng thiên tai nói trên dao động từ 30% đến 80%. Đặc biệt, tất cả các xã đã được khảo sát trong vùng Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long, ven biển và hải đảo đều đánh giá không tốt về công tác cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai ở cấp xã. Mặc dù vậy, ở Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ, việc áp dụng các biện pháp tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã, các thôn để nhân dân biết và cập nhật thường xuyên tình hình thời tiết được phản ánh là thực hiện khá thường xuyên và hiệu quả.

Triển khai lắp đặt các biển báo, cảnh báo tại những nơi nguy hiểm, theo kết quả khảo sát, đang thực hiện khá phổ biến ở Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ (6/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện) nhưng không có báo cáo cụ thể về kết quả đạt được của tiêu chí. Tiếp đến là Tây Nguyên, vùng núi Nam Trung bộ, Đông Nam bộ; Đô thị lớn tập trung; ven biển và hải đảo (4/9 xã được lựa chọn để khảo sát ở mỗi vùng đã đánh giá tốt). Mặc dù là vùng có nguy cơ rất cao về lũ quét và sạt lở đất nhưng Miền núi phía Bắc được đánh giá là chưa thực hiện tốt công tác lắp đặt biển báo, cảnh báo ở khu vực cấp xã (chỉ 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát ghi nhận đã quan tâm và triển khai hoạt động này). Với những vùng chịu ảnh hưởng rất nghiêm trọng của lũ lụt và hạn hán, xâm nhập mặn nhưng công tác lắp đặt các biển báo, cảnh báo tại những nơi nguy hiểm chưa được chú trọng. Đặc biệt, ở Đồng bằng sông Cửu Long, không có xã nào trong các xã được khảo sát đã triển khai hoạt động lắp đặt các biển báo, cảnh báo tại những nơi có nguy cơ cao.

- Về thực thi pháp luật về bảo vệ công trình PCTT Công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp

thời các vụ vi phạm công trình PCTT đã được thực hiện rất tốt với cả 9/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã thực hiện tiêu chí này. Các vùng thiên tai, gồm Miền núi Bắc Trung bộ và Trung Trung bộ; Đô thị lớn tập trung; ven biển và hải đảo Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ có từ 4/9 đến 5/9 xã được lựa chọn để khảo sát đã tiến hành kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ vi phạm công trình PCTT. Ở Miền núi phía Bắc và Duyên hải miền Trung, mỗi vùng chỉ có 3/9 xã được lựa chọn để khảo sát quan tâm đến hoạt động này.

Như vậy, từ kết quả khảo sát thực tế cho thấy, việc thực hiện tiêu chí 3.2 về xây dựng nông thôn mới vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Một số hoạt động (tiêu chí phụ) được thực hiện khá phổ biến ở các vùng thiên tai khác nhau nhưng kết quả đạt được lại thấp. Nhiều nhóm hoạt động khác lại mới chỉ được thực hiện ở rất ít địa phương. Nguyên nhân dẫn đến thực tế trên đây được xác định là do thiếu nguồn lực thực hiện. Các nguồn lực có thể huy động ở mỗi vùng dù khác nhau nhưng cũng khá tiềm năng và cần thiết cho yêu cầu triển khai hoạt động PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới gồm: nhân lực; tài chính; vật tư, vật liệu, phương tiện, thiết bị; lương thực, thực phẩm; nhu yếu phẩm, thuốc men, hóa chất; kinh nghiệm, trí tuệ, tri thức và các giá trị văn hóa – xã hội; tài nguyên và hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và dân dụng.

5. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Xây dựng và bảo vệ thành quả cần được xem là cặp nhiệm vụ song hành trong sự vận động của xã hội, quốc gia, vùng hay bất kỳ địa phương nào. Xây dựng nông thôn mới và chủ động triển khai công tác phòng chống thiên tai là điều kiện cần và đủ để hướng tới một khu vực nông thôn phồn thịnh và an toàn trước sự bất định về khí hậu và thời tiết. Như vậy, huy động nguồn lực xã hội để chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cần được đặc biệt

quan tâm trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay.

Huy động nguồn lực xã hội trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ xây dựng nông thôn mới cần tuân thủ đúng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tình hình và nhu cầu thực tế trong phòng chống thiên tai, các giá trị văn hóa, tập quán bản địa và các chuẩn mực, bản sắc của nông thôn Việt Nam trên cơ sở lấy cộng đồng; các tổ chức, cá nhân làm nòng cốt dưới sự điều phối của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể từ trung ương đến cấp cơ sở.

Để hiện thực hóa chủ trương “công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”, việc huy động nguồn lực xã hội để chủ động PCTT và thích ứng với BĐKH phục vụ xây dựng nông thôn mới cần được thực hiện theo các hướng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (1991). Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) số 02-NQ/HNTW về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1992 - 1995, ngày 4-12-1991.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (1996). Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Tháng 6 năm 1996.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2001). Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 4 năm 2001.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương (2013). Kết luận số 74-KL/TW Hội nghị lần thứ tám BCHTW (Khóa XI) về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”. Tháng 10 năm 2013.
- [5] Trần Quang Hoài (2018). Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xã an toàn về phòng, chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới. Báo cáo Tổng kết đề tài. Hà Nội, 2018.
- [6] Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới trung ương (2020). Tài liệu hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Hà Nội, 2020.
- [7] Academy of Disaster Reduction and Emergency Management, 2019. 2019 Global Natural Disaster Assessment Report. China

sau: Huy động nội lực từ cộng đồng; từ cộng đồng lân cận; từ các lực lượng quân đội, công an, xung kích phòng chống thiên tai; từ sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn; từ sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu, các cơ sở đào tạo; từ người dân xa quê hương; từ khai thác các nguồn tài nguyên; từ nguồn ngân sách Nhà nước và các quỹ (trong đó có Quỹ phòng chống thiên tai); công trình, hệ thống hạ tầng công cộng hoặc của tư nhân; từ các tổ chức, cá nhân khác (cơ quan, tổ chức Nhà nước và ngoài Nhà nước, chính khách, nghệ sĩ, doanh nhân...); lồng ghép hoạt động phòng chống thiên tai vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội (bao gồm cả chương trình xây dựng nông thôn mới).

Tùy theo đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế xã hội và đặc thù về thiên tai ở từng vùng miền để lựa chọn một số hoặc tất cả các giải pháp và chính sách huy động cụ thể cho phù hợp.

- [8] Charlotte L. Kirschner, Akheil Singla và Angie Flick (2018). Financing Community Resilience Before Disaster Strikes: Lessons From the United States. Published online: <https://doi.org/10.1093/acrefore/9780199389407.013.191>.
- [9] ISDR (2004). Living with Risk: A Global Review of Disaster Reduction Initiatives. United Nations Inter-Agency Secretariat of the ISDR (UN/ISDR), Geneva.
- [10] Shaw, R. (2014). Kobe earthquake: Turning point of community based risk reduction in Japan. In R. Shaw (Ed.), Community practices for disaster risk reduction in Japan (pp. 21–31). Tokyo, Japan: Springer.
- [11] Van Niekerk, D., & Coetzee, C. (2012). African experiences in community-based disaster risk reduction In R. Shaw (Ed.), Community based disaster risk reduction (pp. 339–349). Bingley, UK: Emerald Publisher.
- [12] Victoria, L. (2002). Community based approaches to disaster mitigation. Paper presented at Regional Workshop on Best Practices in Disaster Mitigation. Bangkok, 2002.